TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **151**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2021
"V/v Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2021/QĐ-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021, giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Khu dân cư Phú Tảo, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư Bảo Công; Địa chỉ: Số nhà 2, khu 1, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn**: Anh Đặng Văn Th1, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư Phú Tảo, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Ba Lan (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1961.

Cư trú tại: Đội 1, Khu dân cư Phú Tảo, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, văn bản đề nghị gửi Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Đặng Văn Th1 được tự do tìm hiểu, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã ThKh, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (nay là phường ThKh, thành phố HD) vào ngày 26/4/2011. Trước khi kết hôn chị và anh Th1 đã chung sống với nhau như vợ chồng và có một con chung là Đặng Hoài Th2, sinh ngày 25/01/2008 nhưng vì anh Th1 đi làm ăn ở nước ngoài nên chưa tổ chức đám cưới được. Năm 2011, anh Th1 về nước anh chị mới tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh Th1 tại Khu dân cư Phú Tảo, phường ThKh, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có sự gắn kết, cảm thông, chia sẻ với nhau. Chị và anh Th1 đã cùng ngồi lại để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, tuy nhiên vẫn không tìm được tiếng nói chung. Vì mâu thuẫn, bất hòa nên tháng 3/2019, anh Th1 đã đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan, không chung sống cùng chị nữa. Vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cũng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

- *Về con chung:* Chị và anh Th1 có 04 con chung là Đặng Hoài Th2, sinh ngày 25/01/2008; Đặng Thùy D, sinh ngày 20/7/2012; Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019, các cháu đang ở cùng chị và bà Nguyễn Thị U (là bà nội các cháu). Sau khi ly hôn chị có dự định đi làm ăn xa nên chị có nguyện vọng để anh Th1 nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu cho đến khi trưởng thành, chị sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Đặng Tuyết Nh và Đặng Quỳnh Ng với số tiền 1.500.000đồng/cháu/tháng cùng anh Th1. Anh Th1 không liên lạc với chị nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với bà nội các cháu. Thông qua bà nội các cháu, chị được biết anh Th1 cũng có nguyện vọng muốn được nuôi các con và nhờ bà nội chăm sóc các cháu trong thời gian anh Th1 chưa về nước và bà cũng đồng ý nhất trí.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Th1 tại Ba Lan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh Th1, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh Th1. Bà Nguyễn Thị U là mẹ đẻ anh Th1 xác định, anh Th1 hiện làm ăn, sinh sống tại Ba Lan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Th1 nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, anh Th1 thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Th1 biết. Bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung, quan hệ về tài sản giữa vợ chồng chị Th, anh Th1 như chị Th trình bày là đúng. Khi chị Th làm đơn ly hôn với anh Th1, chị Th cũng có đề nghị bà cung cấp cho chị Th địa chỉ của anh Th1 tại Ba Lan nhưng anh Th1 chỉ liên lạc với bà qua điện thoại nên bà không cung cấp được cho chị Th. Bà cũng đã thông báo cho anh Th1 về việc chị Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh Th1 và giao 04 con chung cho anh Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th1 có trao đổi với bà là nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị Th và anh có nguyện vọng nuôi cả 04 con. Anh Th1 chưa về nước được, bà sẽ là người hỗ trợ anh Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi anh Th1 về nước. Về tiền cấp dưỡng nuôi các cháu, anh Th1 không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Vợ chồng anh Th1, chị Th không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Th1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Đặng Văn Th1;

- Về con chung: Giao con chung là Đặng Hoài Th2, sinh ngày 25/01/2008; Đặng Thùy D, sinh ngày 20/7/2012; Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019 cho anh Đặng Văn Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Bà Nguyễn Thị U hỗ trợ anh Th1 chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh Th1 về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019 cùng anh Th1, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 9/2021 cho đến khi các cháu thành niên.

- Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đặng Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Đặng Văn Th1. Anh Th1 hiện đang sinh sống và lao động tại Ba Lan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Th1 tại Ba Lan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Th1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, chị Th, bà U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Th, anh Th1, bà U.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Đặng Văn Th1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThKh, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (nay là phường ThKh, thành phố HD) vào ngày 26/4/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Từ tháng 3/2019, anh Th1 đi làm ăn, sinh sống tại Ba Lan, hai người ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th1. Thông qua gia đình, anh Th1 có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị Th và anh Th1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh Th1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Th và anh Th1 có 04 con chung là Đặng Hoài Th2, sinh ngày 25/01/2008; Đặng Thùy D, sinh ngày 20/7/2012; Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019, hiện nay các cháu đang ở cùng chị Th và bà Nguyễn Thị U. Sau khi ly hôn chị Th và anh Th1 đều thống nhất giao cả 04 con cho anh Th1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Th1 hiện chưa về nước có đề nghị bà U chăm sóc các cháu cho đến khi anh về nước, bà U cũng nhất trí. Xét thực tế, 04 con của anh Th1 và chị Th đều đang ở cùng bà U do bà U chăm sóc hàng ngày. Cháu Th2 và cháu D hiện đã trên 7 tuổi đều có vọng xin được ở với bố. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh Th1 và chị Th giao cả 04 con chung của anh Th1 và chị Th cho anh Th1 nuôi dưỡng và bà U chăm sóc các cháu giúp anh Th1 trong thời gian anh Th1 chưa về nước.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Th1 không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho các cháu, chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Tuyết Nh và cháu Đặng Quỳnh Ng mỗi cháu 1.500.000đ/tháng cùng anh Th1. Sự tự nguyện của chị Th phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Chị Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Đặng Văn Th1.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn Th1 nuôi dưỡng con chung là Đặng Hoài Th2, sinh ngày 25/01/2008; Đặng Thùy D, sinh ngày 20/7/2012; Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019 thời gian từ tháng 9/2021 đến khi con chung thành niên. Bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm chăm sóc các cháu trong thời gian anh Th1 chưa về nước.

Chị Đặng Thị Th có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đặng Thị Th cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Tuyết Nh, sinh ngày 30/3/2015; Đặng Quỳnh Ng, sinh ngày 11/7/2019 cùng anh Th1, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 9/2021 cho đến khi các cháu thành niên.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005969 ngày 23/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Th còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chị Th chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Th, bà Nguyễn Thị U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Đặng Văn Th1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường ThKh, Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa